

Bản án số: 06/2018/DS-ST  
Ngày: 31-01-2018  
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vui

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Mai Văn Thẩm
2. Ông Thái Kim Thành

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 290/2017/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2018/QĐST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Địa chỉ: Số 9, phố LĐ, phường HL, quận HM, thành phố HN.

***Người đại diện theo pháp luật:*** Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng Giám đốc

***Người đại diện theo ủy quyền thường xuyên:*** Ông Trương Văn Út H – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện GD.

***Người đại diện theo ủy quyền:*** Ông Nguyễn Thành L – Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện GD. (có mặt)

***- Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1981. (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 14, ấp CA, xã CG, huyện GD, tỉnh TN.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng đại diện nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 27/9/2013 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện GD có cho hộ gia đình anh T, chị L vay chương trình giải quyết việc làm số tiền 16.000.000 đồng, mục đích chăn nuôi bò sinh sản, lãi suất 0,65 %/ tháng, lãi trả

hàng tháng vào ngày 15, hạn trả nợ cuối ngày 15/9/2016, nợ gốc trả hàng năm là 5.000.000 đồng (2 năm đầu), 6.000.000 đồng (năm cuối).

Ngày 05/8/2015 anh T và chị L ly hôn theo Quyết định số 233/2015/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện GD, trong nội dung quyết định chị L và anh T thỏa T chị L nhận lãnh trả nợ cho Ngân hàng. Sau đó chị L vẫn chưa trả tiền gốc và lãi đúng theo quy định. Ngân hàng có đến trực tiếp nhà chị L nhiều lần để yêu cầu thanh toán nhưng không gặp. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị L trả cho Ngân hàng tiền nợ gốc là 16.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 15/10/2015 đến ngày xét xử theo thỏa thuận trong hợp đồng.

*Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim L:* Chị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Còn những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng riêng bị đơn không thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc chị L trả cho Ngân hàng tiền nợ gốc 16.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng vay từ ngày 15/10/2015 đến ngày xét xử là 3.429.004 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.841.619 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim L vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 27/9/2013 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện GD có cho hộ gia đình anh T chị L vay chương trình giải quyết việc làm số tiền 16.000.000 đồng, mục đích chăn nuôi bò sinh sản, lãi suất 0,65 %/tháng, trả lãi hàng tháng vào ngày 15, hạn trả nợ cuối ngày 15/9/2016. Khi anh T và chị L ly hôn, anh chị thỏa thuận chị L nhận lãnh trả nợ cho Ngân hàng. Nhưng sau đó chị L không trả tiền gốc và lãi đúng theo quy định. Do đó Ngân hàng yêu cầu chị L trả tiền nợ gốc và lãi suất theo thỏa thuận từ ngày 15/10/2015 đến ngày 31/01/2018 là 19.429.004 đồng.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Về phía Ngân hàng đã cung cấp đầy đủ chứng từ chứng minh việc vay vốn của chị L anh T. Theo Quyết định số 233/2015/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện GD, về nợ chung chị L có nghĩa vụ trả khi Ngân hàng chính sách xã hội có yêu cầu. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố

tụng, nhưng chị vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng. Như vậy có đủ cơ sở xác định chị L có nợ Ngân hàng số tiền trên và chị đã biết việc Ngân hàng khởi kiện nhưng chị cố tình vắng mặt nhằm né tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại các Điều 471, 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự 2005. Cần buộc chị L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền nợ gốc là 16.000.000 đồng và nợ lãi đến ngày 31/01/2018 là 3.429.004 đồng.

[4] Tại phiên tòa Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 1.841.619 đồng. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ theo quy định tại Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Án phí: Do chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng nên chị L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 217, 218, 219, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đối với chị Nguyễn Thị Kim L.

Buộc chị Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền 19.429.004 đồng (mười chín triệu bốn trăm hai mươi chín ngàn không trăm lẻ bốn đồng), trong đó nợ gốc là 16.000.000 đồng và nợ lãi là 3.429.004 đồng.

Chị Nguyễn Thị Kim L phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đối với số tiền 1.841.619 đồng.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu 971.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị L vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Vui**